

BÀI 6. THỨ TỰ THỰC HIỆN PHÉP TÍNH

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Hiểu được thế nào là một biểu thức.
- + Nắm được thứ tự thực hiện phép tính.

❖ Kỹ năng

- + Vận dụng được các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức để tính đúng giá trị của biểu thức.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

1. Nhắc lại về biểu thức

Ví dụ. $10 - 2 + 5.3$;

Các số được nối với nhau bởi dấu các phép tính (cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa) làm thành một biểu thức. $32 : 2^3 + 4 - 1$ là các biểu thức

Chú ý:

- + Mỗi số cũng được coi là một biểu thức.
- + Trong biểu thức có thể có các dấu ngoặc để chỉ thứ tự thực hiện các phép tính

2. Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức

Ví dụ.

thức

$$5.3^2 - 6.7 = 5.9 - 6.7 = 45 - 42 = 3;$$

- Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:

$$48 : \{4. [25 - (6 + 7)]\} = 48 : \{4. [25 - 13]\}$$

Lũy thừa $\longrightarrow$ Nhân và chia $\longrightarrow$ Cộng và trừ.

$$= 48 : \{4.12\}$$

- Đối với biểu thức có dấu ngoặc:

$$= 48 : 48$$

$$() \longrightarrow [] \longrightarrow \{ \}$$

$$= 1.$$

II. CÁC DẠNG BÀI TẬP

Dạng 1: Thực hiện phép tính

Ví dụ mẫu

Ví dụ 1. Thực hiện phép tính

a) $24.65 + 24.35 - 100$;

b) $6.3^2 - 2.5^2$;

c) $150 + 50 : 5 - 3.4^2$;

d) $25.8 - 12.5 + 150 : 15 - 90$;

Hướng dẫn giải

a) Ta có: $24.65 + 24.35 - 100 = (24.65 + 24.35) - 100$
 $= 24.(65 + 35) - 100$
 $= 2400 - 100$
 $= 2300.$

b) Ta có: $6.3^2 - 2.5^2 = 6.9 - 2.25 = 54 - 50 = 4.$

c) Ta có: $150 + 50 : 5 - 3.4^2 = 150 + 10 - 3.16$
 $= 160 - 48$
 $= 112.$

d) Ta có: $25.8 - 12.5 + 150 : 15 - 90 = 200 - 60 + 10 - 90$
 $= 140 + 10 - 90$
 $= 150 - 90$
 $= 60.$

Ví dụ 2. Thực hiện các phép tính:

a) $80 - (5 \cdot 4^2 - 4 \cdot 2^3)$;

b) $60 - [120 - (42 - 33)^2]$;

c) $(17 \cdot 135 + 28 \cdot 17 + 45 \cdot 17) : 17$;

d) $(5^6 : 5^3 + 3^2 \cdot 3^2) - (2^3 + 5^2)$.

Hướng dẫn giải

a) Ta có: $80 - (5 \cdot 4^2 - 4 \cdot 2^3) = 80 - (5 \cdot 16 - 4 \cdot 8)$
 $= 80 - (80 - 32)$
 $= 80 - 48$
 $= 32.$

b) Ta có: $60 - [120 - (42 - 33)^2] = 60 - [120 - 9^2]$
 $= 60 - [120 - 81]$
 $= 60 - 39$
 $= 21.$

c) Ta có: $(17 \cdot 135 + 28 \cdot 17 + 45 \cdot 17) : 17 = (17 \cdot 135 : 17) + (28 \cdot 17 : 17) + (45 \cdot 17 : 17)$
 $= 135 + 28 + 45$
 $= (135 + 45) + 28$
 $= 180 + 28$
 $= 208.$

d) Ta có: $(5^6 : 5^3 + 3^2 \cdot 3^2) - (2^3 + 5^2) = (5^3 + 9 \cdot 9) - (8 + 25)$
 $= (125 + 81) - 33$
 $= 206 - 33$
 $= 173.$

Ví dụ 3. Tính giá trị của các biểu thức

a) $A = (6^{2019} - 6^{2018}) : 6^{2018}$;

b) $B = 234 : \{3 \cdot [47 - (4^2 + 5)]\}$;

c) $C = 12 : [450 : (125 + 25 \cdot 4)]$;

d) $D = 2 \cdot [(7 - 3^3 : 3^2) : 2^2 + 99] - 100.$

Hướng dẫn giải

a) Ta có: $A = (6^{2019} - 6^{2018}) : 6^{2018}$
 $= (6^{2019} : 6^{2018}) - (6^{2018} : 6^{2018})$
 $= 6 - 1$
 $= 5.$

b) Ta có: $B = 234 : \{3 \cdot [47 - (4^2 + 5)]\}$
 $= 234 : \{3 \cdot [47 - (16 + 5)]\}$

$$= 234 : \{3, [47 - 21]\}$$

$$= 234 : \{3, 26\}$$

$$= 234 : 78$$

$$= 3.$$

c) Ta có: $C = 12 : [450 : (125 + 25.4)]$

$$= 12 : [450 : (125 + 100)]$$

$$= 12 : [450 : 225]$$

$$= 12 : 2$$

$$= 6.$$

d) Ta có: $D = 2. [(7 - 3^3 : 3^2) : 2^2 + 99] - 100$

$$= 2. [(7 - 3) : 2^2 + 99] - 100$$

$$= 2. [4 : 2^2 + 99] - 100$$

$$= 2. [1 + 99] - 100$$

$$= 2.100 - 100$$

$$= 200 - 100$$

$$= 100.$$

Ví dụ 4. Dùng năm chữ số 3, dấu các phép tính và dấu ngoặc (nếu cần), hãy viết một biểu thức có giá trị lần lượt là 1; 2; 3; 4; 5.

Hướng dẫn giải

Có thể lập thành các dãy tính như sau:

$$(3.3 - 3 - 3) : 3 = 1;$$

$$(3 + 3 + 3 - 3) : 3 = 2;$$

$$(3.3 + 3 - 3) : 3 = 3;$$

$$(3 + 3 + 3 + 3) : 3 = 4;$$

$$3 + 3 : 3 + 3 : 3 = 5.$$

Bài tập tự luyện dạng 1

Bài tập cơ bản

Câu 1. Thực hiện các phép tính:

a) $15 + 7 - 8 + 11 - 25;$

b) $3^3 - 2^2.5 + 125 : 5^2.$

Câu 2. Thực hiện các phép tính:

a) $5^2.11 + 5^2.19;$

b) $549 - 149 - 27;$

c) $115.63 + 37.115;$

d) $6^5 : 6^3 + 2^2.2^3 - 3^4 : 3^2;$

e) $4.2^3 + 5^6 : 5^2 - 27^2 : 3^5;$

f) $16.6^3 + 16.4^3 - 5.12.$

Câu 3. Thực hiện các phép tính:

a) $35 - 25.8 : (10^2.2)$;

b) $2^3 - 5^7 : 5^6 + 8.3^3$;

c) $(3^{2020} + 3^{2019}) : 3^{2019}$;

d) $(3^5.3^7) : 3^{10} + 5.2^4 - 7^4 : 7^2$;

e) $13.146 - 46.13 + 4^2.5 - 6.(3^2 - 4)$;

f) $13.17 - 256 : 16 + 14 : 7 - 7$.

Câu 4. Tính giá trị của các biểu thức:

a) $A = 142 - [50 - (2^3.10 - 2^3.5)]$;

b) $B = 252 : \{35 - [4 + (5.3^2 - 42)]\} + 86$;

c) $C = \{210 : [16 + 3.(6 + 3.2^2)]\} - 3$;

d) $D = 500 - \{5.[409 - (2^3.3 - 21)^2] - 1724\}$.

Câu 5. Tính giá trị của các biểu thức:

a) $\{135 - [106 - (19 - 7)] : 2\}.4$;

b) $50 : \{400 : [173 - (13 + 9.16)]\}$;

c) $108 - [15.(96 - 71) : 75 + 13]$;

d) $35 + [149 - 2(3^3.19 - 3^3.17)]$.

Bài tập nâng cao

Câu 6. Tính giá trị của biểu thức:

a) $M = (6888 : 56 - 11^2).152 + 13.72 + 13.28$;

b) $N = [5082 : (17^{29} : 17^{27} - 16^2) + 13.12] : 31 + 9^2$;

c) $P = 1024 : 2^5 + 140 : (38 + 2^5) + 7^{23} : 7^{21}$.

Câu 7. Dùng 6 chữ số giống nhau cùng với dấu của các phép tính và dấu ngoặc (nếu cần) để viết thành một biểu thức có giá trị là 100 trong các trường hợp sau:

a) Các chữ số giống nhau đó là chữ số 1.

b) Các chữ số giống nhau đó là chữ số 4.

c) Các chữ số giống nhau đó là chữ số 5.

Đáp án

Câu 1.

a) $15 + 7 - 8 + 11 - 25 = 22 - 8 + 11 - 25 = 14 + 11 - 25 = 25 - 25 = 0$.

b) $3^3 - 2^2.5 + 125 : 5^2 = 27 - 4.5 + 125 : 24 = 27 - 20 + 5 = 7 + 5 = 12$.

Câu 2.

a) Ta có: $5^2.11 + 5^2.19$

$= 5^2.(11 + 19)$

$= 25.30$

$= 750$.

b) Ta có: $549 - 149 - 27$

$= 400 - 27$

$= 373$.

c) Ta có: $115.63 + 37.115$

d) Ta có: $6^5 : 6^3 + 2^2.2^3 - 3^4 : 3^2$

$$\begin{aligned}
 &= 115.(63 + 37) \\
 &= 115.100 \\
 &= 11500.
 \end{aligned}$$

e) Ta có: $4.2^3 + 5^6 : 5^2 - 27^2 : 3^5$

$$\begin{aligned}
 &= 4.8 + 5^3 - 3^6 : 3^5 \\
 &= 32 + 125 - 3 \\
 &= 154.
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 &= 6^2 + 2^5 - 3^2 \\
 &= 36 + 32 - 9 \\
 &= 68 - 9 = 59.
 \end{aligned}$$

f) Ta có: $16.6^3 + 16.4^3 - 5.12$

$$\begin{aligned}
 &= 16.(6^3 + 4^3) - 5.12 \\
 &= 16.(216 + 64) - 60 \\
 &= 16.280 - 60 \\
 &= 4480 - 60 \\
 &= 4420.
 \end{aligned}$$

Câu 3.

a) Ta có: $35 - 25.8 : (10^2.2)$

$$\begin{aligned}
 &= 35 - 25.8 : (100.2) \\
 &= 35 - 25.8 : 200 \\
 &= 35 - 200 : 200 \\
 &= 35 - 1 \\
 &= 34.
 \end{aligned}$$

b) Ta có: $2^3 - 5^7 : 5^6 + 8.3^3$

$$\begin{aligned}
 &= 8 - 5 + 8.27 \\
 &= 8 - 5 + 216 \\
 &= 3 + 216 = 219.
 \end{aligned}$$

c) Ta có: $(3^{2020} + 3^{2019}) : 3^{2019}$

$$\begin{aligned}
 &= 3^{2020} : 3^{2019} + 3^{2019} : 3^{2019} \\
 &= 3 + 1 = 4.
 \end{aligned}$$

d) Ta có: $(3^5.3^7) : 3^{10} + 5.2^4 - 7^4 : 7^2$

$$\begin{aligned}
 &= 3^{12} : 3^{10} + 5.16 - 7^2 \\
 &= 3^2 + 80 - 49 \\
 &= 9 + 80 - 49 \\
 &= 89 - 49 \\
 &= 40.
 \end{aligned}$$

e) Ta có: $13.146 - 46.13 + 4^2.5 - 6.(3^2 - 4)$

$$\begin{aligned}
 &= 13.(146 - 46) + 16.5 - 6.(9 - 4) \\
 &= 13.100 + 80 - 6.5 \\
 &= 1300 + 80 - 30 \\
 &= 1380 - 30 \\
 &= 1350.
 \end{aligned}$$

f) Ta có: $13.17 - 256 : 16 + 14 : 7 - 7$

$$\begin{aligned}
 &= 221 - 16 + 2 - 7 \\
 &= 205 + 2 - 7 \\
 &= 200.
 \end{aligned}$$

Câu 4.

a) Ta có: $A = 142 - [50 - (2^3.10 - 2^3.5)]$

$$\begin{aligned}
 &= 142 - [50 - (8.10 - 28.5)] \\
 &= 142 - [50 - 8.(10 - 5)] \\
 &= 142 - [50 - 8.5] \\
 &= 142 - 10 \\
 &= 132.
 \end{aligned}$$

b) Ta có: $B = 252 : \{35 - [4 + (5.3^2 - 42)]\} + 86$

$$\begin{aligned}
 &= 252 : \{35 - [4 + (5.9 - 42)]\} + 86 \\
 &= 252 : \{35 - [4 + 3]\} + 86 \\
 &= 252 : (35 - 7) + 86 \\
 &= 252 : 28 + 86 \\
 &= 9 + 86
 \end{aligned}$$

$$= 95.$$

$$\begin{aligned} \text{c) Ta có: } C &= \left\{ 210 : \left[16 + 3 \cdot (6 + 3 \cdot 2^2) \right] \right\} - 3 \\ &= \left\{ 210 : \left[16 + 3 \cdot (6 + 12) \right] \right\} - 3 \\ &= \left\{ 210 : \left[16 + 3 \cdot 18 \right] \right\} - 3 \\ &= \left\{ 210 : (16 + 54) \right\} - 3 \\ &= 210 : 70 - 3 \\ &= 3 - 3 \\ &= 0. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{d) Ta có: } D &= 500 - \left\{ 5 \cdot \left[409 - (2^3 \cdot 3 - 21)^2 \right] - 1724 \right\} \\ &= 500 - \left\{ 5 \cdot \left[409 - (8 \cdot 3 - 21)^2 \right] - 1724 \right\} \\ &= 500 - \left\{ 5 \cdot \left[409 - (24 - 21)^2 \right] - 1724 \right\} \\ &= 500 - \left\{ 5 \cdot (409 - 3^2) - 1724 \right\} \\ &= 500 - \left[5 \cdot (409 - 9) - 1724 \right] \\ &= 500 - (5 \cdot 400 - 1724) \\ &= 500 - (2000 - 1724) \\ &= 500 - 276 \\ &= 224. \end{aligned}$$

Câu 5.

$$\begin{aligned} \text{a) Ta có: } \{ 135 - [106 - (19 - 7)] : 2 \} \cdot 4 &= \{ 135 - [106 - 12] : 2 \} \cdot 4 \\ &= \{ 135 - 94 : 2 \} \cdot 4 \\ &= (135 - 47) \cdot 4 \\ &= 88 \cdot 4 \\ &= 352. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) Ta có: } 50 : \{ 400 : [173 - (13 + 9 \cdot 16)] \} &= 50 : \{ 400 : [173 - (13 + 144)] \} \\ &= 50 : \{ 400 : (173 - 157) \} \\ &= 50 : (400 : 16) \\ &= 50 : 25 \\ &= 2. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{c) Ta có: } 108 - [15 \cdot (96 - 71) : 75 + 13] &= 108 - [15 \cdot 25 : 75 + 13] \\ &= 108 - (375 : 75 + 13) \\ &= 108 - (5 + 13) \\ &= 108 - 18 \\ &= 90. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{d) Ta có: } 35 + [149 - 2(3^3 \cdot 19 - 3^3 \cdot 17)] &= 35 + [149 - 2 \cdot 3^3 \cdot (19 - 17)] \\ &= 35 + [149 - 2 \cdot 3^3 \cdot 2] \\ &= 35 + (149 - 108) \\ &= 35 + 41 \\ &= 76. \end{aligned}$$

Bài tập nâng cao

Câu 6.

a) Ta có: $M = (6888 : 56 - 11^2) \cdot 152 + 13 \cdot 72 + 13 \cdot 28$

$$\begin{aligned} &= (123 - 121) \cdot 152 + 13 \cdot (72 + 28) \\ &= 2 \cdot 152 + 13 \cdot 100 \\ &= 304 + 1300 \\ &= 1604. \end{aligned}$$

b) Ta có: $N = [5082 : (17^{29} : 17^{27} - 16^2) + 13 \cdot 12] : 31 + 9^2$

$$\begin{aligned} &= [5082 : (17^2 - 16^2) + 13 \cdot 12] : 31 + 9^2 \\ &= [5082 : (289 - 256) + 13 \cdot 12] : 31 + 81 \\ &= (5082 : 33 + 156) : 31 + 81 \\ &= (154 + 156) : 31 + 81 \\ &= 310 : 31 + 81 \\ &= 10 + 81 \\ &= 91. \end{aligned}$$

c) Ta có: $P = 1024 : 2^5 + 140 : (38 + 2^5) + 7^{23} : 7^{21}$

$$\begin{aligned} &= 1024 : 32 + 140 : (38 + 32) + 7^2 \\ &= 32 + 140 : 70 + 49 \\ &= 32 + 2 + 49 \\ &= 34 + 49 \\ &= 83. \end{aligned}$$

Câu 7.

a) $(11 - 1) \cdot (11 - 1) = 100.$

b) $(4 : 4 + 4) \cdot (4 \cdot 4 + 4) = 100.$

c) $5 \cdot (5 + 5) + 5 \cdot (5 + 5) = 100.$

Dạng 2: Tìm x**🎨 Ví dụ mẫu**

Ví dụ 1. Tìm số tự nhiên x, biết:

a) $x - 150 : 3 = 45 ;$

b) $(x + 15) : 18 = 90 ;$

c) $6 \cdot (x + 2^3) + 40 = 100 ;$

d) $(x - 3)^2 - 24 = 2^3 \cdot 5.$

Hướng dẫn giải

a) Ta có: $x - 150 : 3 = 45$

$$x - 50 = 45$$

$$x = 45 + 50$$

$$x = 95.$$

b) Ta có: $(x + 15) : 18 = 90$

$$(x + 15) = 90 \cdot 18$$

Vậy $x = 95$.

c) Ta có: $6.(x + 2^3) + 40 = 100$

$$6.(x + 2^3) = 100 - 40$$

$$6.(x + 8) = 60$$

$$x + 8 = 60 : 6$$

$$x + 8 = 10$$

$$x = 10 - 8$$

$$x = 2.$$

Vậy $x = 2$.

$$x + 15 = 1620$$

$$x = 1620 - 15$$

$$x = 1605.$$

Vậy $x = 1605$.

d) Ta có: $(x - 3)^2 - 24 = 2^3.5$

$$(x - 3)^2 - 24 = 8.5$$

$$(x - 3)^2 - 24 = 40$$

$$(x - 3)^2 = 40 + 24$$

$$(x - 3)^2 = 64$$

$$(x - 3)^2 = 8^2$$

$$x - 3 = 8$$

$$x = 8 + 3$$

$$x = 11.$$

Vậy $x = 11$.

Ví dụ 2. Tìm số tự nhiên x , biết:

a) $[(5x - 12) : 3].4^3 = 4^5$;

b) $x - 24 : 4 - (62 - 31.2 + 9.3) = 0$;

c) $240 - [13 + (23 + 25.3 - x)] = 130$;

d) $[(36 - 16)^2 - (43 - 30)^2].2.x - 1386 = 0$.

Hướng dẫn giải

a) Ta có: $[(5x - 12) : 3].4^3 = 4^5$

$$[(5x - 12) : 3] = 4^5 : 4^3$$

$$(5x - 12) : 3 = 4^2$$

$$(5x - 12) : 3 = 16$$

$$5x - 12 = 16.3$$

$$5x - 12 = 48$$

$$5x = 48 + 12$$

$$5x = 60$$

$$x = 60 : 5$$

$$x = 12.$$

Vậy $x = 12$.

b) Ta có: $x - 24 : 4 - (62 - 31.2 + 9.3) = 0$

$$\begin{aligned}
 x - 6 - (62 - 62 + 27) &= 0 \\
 x - 6 - 27 &= 0 \\
 x - 6 &= 27 \\
 x &= 27 + 6 \\
 x &= 33.
 \end{aligned}$$

Vậy $x = 33$.

c) Ta có: $240 - [13 + (23 + 25.3 - x)] = 130$

$$\begin{aligned}
 13 + (23 + 25.3 - x) &= 240 - 130 \\
 13 + (23 + 25.3 - x) &= 110 \\
 23 + 25.3 - x &= 110 - 13 \\
 23 + 25.3 - x &= 97 \\
 25.3 - x &= 97 - 23 \\
 75 - x &= 74 \\
 x &= 75 - 74 \\
 x &= 1.
 \end{aligned}$$

Vậy $x = 1$.

d) Ta có: $[(36 - 16)^2 - (43 - 30)^2] \cdot 2x - 1386 = 0$

$$\begin{aligned}
 [20^2 - 13^2] \cdot 2x &= 1386 \\
 [400 - 169] \cdot 2x &= 1386 \\
 231 \cdot 2x &= 1386 \\
 462x &= 1386 \\
 x &= 1386 : 462 \\
 x &= 3.
 \end{aligned}$$

Vậy $x = 3$.

Bài tập tự luyện dạng 2

Bài tập cơ bản

Câu 1. Tìm số tự nhiên x , biết:

- | | |
|--|--------------------------------------|
| a) $2x + 14 = 38$; | b) $210 : (x - 11) = 7$; |
| c) $2x - 57 = 5 \cdot 3^2$; | d) $178 - (x + 5) = 140$; |
| e) $2 \cdot (x - 41) = 2 \cdot 4^3 - 14$; | f) $3(x + 23) - 7^2 = 5 \cdot 4^2$. |

Câu 2. Tìm số tự nhiên x , biết:

- $(3x + 1) \cdot 9 - 74 = 4^2$;
- $x - 18 - (6320 : 1580.25) = 300$;
- $430 + 35.2 = (x - 9) \cdot 25$.

Bài tập nâng cao

Câu 3. Tìm số tự nhiên x , biết:

- a) $[(4x - 24) : 5] \cdot 4^3 = 4^5$;
- b) $320 - x \cdot 4 + 4^3 = 352$;
- c) $4 \cdot 120 + [45 : 9 + 15 \cdot (x + 1)] = 500$.

Câu 4. Tìm số tự nhiên x thỏa mãn mỗi điều kiện sau:

- a) $4 \cdot 3^3 - [3^2 \cdot x + 2(4^2 - 15)] = 10^2 - 12$;
- b) $3[(4 - 2)^2 \cdot x + 5 \cdot 2^3] - 2^3 \cdot 3^3 = 72$;
- c) $8[5(3x + 4) - 2 \cdot 3^2] : 3 \cdot 2^2 = 64$.

Đáp án

Câu 1.

a) Ta có: $2x + 14 = 38$

$$\begin{aligned} 2x &= 38 - 14 \\ 2x &= 24 \\ x &= 24 : 2 \\ x &= 12. \end{aligned}$$

Vậy $x = 12$.

c) Ta có: $2x - 57 = 5 \cdot 3^2$

$$\begin{aligned} 2x - 57 &= 5 \cdot 9 \\ 2x - 57 &= 45 \\ 2x &= 45 + 57 \\ 2x &= 102 \\ x &= 102 : 2 \\ x &= 51. \end{aligned}$$

Vậy $x = 51$.

e) Ta có: $2 \cdot (x - 41) = 2 \cdot 4^3 - 14$

$$\begin{aligned} 2 \cdot (x - 41) &= 2 \cdot 64 - 14 \\ 2 \cdot (x - 41) &= 128 - 14 \\ 2 \cdot (x - 41) &= 114 \\ x - 41 &= 114 : 2 \\ x - 41 &= 57 \\ x &= 57 + 41 \\ x &= 98. \end{aligned}$$

Vậy $x = 98$.

b) Ta có: $210 : (x - 11) = 7$

$$\begin{aligned} x - 11 &= 210 : 7 \\ x - 11 &= 30 \\ x &= 30 + 11 \\ x &= 41. \end{aligned}$$

Vậy $x = 41$.

d) Ta có: $178 - (x + 5) = 140$

$$\begin{aligned} x + 5 &= 178 - 140 \\ x + 5 &= 38 \\ x &= 38 - 5 \\ x &= 33. \end{aligned}$$

Vậy $x = 33$.

f) Ta có: $3(x + 23) - 7^2 = 5 \cdot 4^2$

$$\begin{aligned} 3 \cdot (x + 23) - 49 &= 5 \cdot 16 \\ 3 \cdot (x + 23) - 49 &= 80 \\ 3 \cdot (x + 23) &= 80 + 49 \\ 3 \cdot (x + 23) &= 129 \\ x + 23 &= 129 : 3 \\ x + 23 &= 43 \\ x &= 43 - 23 \\ x &= 20. \end{aligned}$$

Vậy $x = 20$.

Câu 2.

a) Ta có: $(3x+1).9 - 74 = 4^2$

$$(3x+1).9 - 74 = 16$$

$$(3x+1).9 = 16 + 74$$

$$(3x+1).9 = 90$$

$$3x+1 = 90 : 9$$

$$3x+1 = 10$$

$$3x = 10 - 1$$

$$3x = 9$$

$$x = 9 : 3$$

$$x = 3.$$

Vậy $x = 3$.

c) Ta có: $430 + 35.2 = (x-9).25$

$$430 + 70 = (x-9).25$$

$$500 = (x-9).25$$

$$x-9 = 500 : 25$$

$$x-9 = 20$$

$$x = 20 + 9$$

$$x = 29.$$

Vậy $x = 29$.

Bài tập nâng cao.

Câu 3.

a) Ta có: $[(4x-24):5].4^3 = 4^5$

$$[(4x-24):5] = 4^5 : 4^3$$

$$[(4x-24):5] = 4^2$$

$$[(4x-24):5] = 16$$

$$4x-24 = 16.5$$

$$4x-24 = 80$$

$$4x = 80 + 24$$

$$4x = 104$$

$$x = 104 : 4$$

$$x = 26.$$

Vậy $x = 26$.

c) Ta có: $x - 18 - (6320 : 1580.25) = 300$

$$x - 18 - (4.25) = 300$$

b) Ta có: $320 - x.4 + 4^3 = 352$

$$320 - x.4 + 64 = 352$$

$$320 - x.4 = 352 - 64$$

$$320 - x.4 = 288$$

$$x.4 = 320 - 288$$

$$x.4 = 32$$

$$x = 32 : 4$$

$$x = 8.$$

Vậy $x = 8$.

b) Ta có: $4.120 + [45 : 9 + 15.(x+1)] = 500$

$$480 + [5 + 15.(x+1)] = 500$$

$$5 + 15.(x+1) = 500 - 480$$

$$5 + 15.(x+1) = 20$$

$$15.(x+1) = 20 - 5$$

$$15.(x+1) = 15$$

$$x+1 = 15 : 15$$

$$x+1 = 1$$

$$x = 0.$$

Vậy $x = 0$.

$$x - 18 - 100 = 300$$

$$x - 18 = 300 + 100$$

$$x - 18 = 400$$

$$x = 400 + 18$$

$$x = 418.$$

Vậy $x = 418$.

Câu 4.

a) Ta có: $4.3^3 - [3^2.x + 2(4^2 - 15)] = 10^2 - 12$

$$4.27 - [9.x + 2(16 - 15)] = 100 - 12$$

$$108 - [9x + 2] = 88$$

$$9x + 2 = 108 - 88$$

$$9x + 2 = 20$$

$$9x = 20 - 2$$

$$9x = 18$$

$$x = 18 : 9$$

$$x = 2.$$

Vậy $x = 2$.

b) Ta có: $3[(4 - 2)^2.x + 5.2^3] - 2^3.3^3 = 72$

$$3[2^2.x + 5.8] - 8.27 = 72$$

$$3[4x + 40] - 216 = 72$$

$$3[4x + 40] = 72 + 216$$

$$3[4x + 40] = 288$$

$$4x + 40 = 288 : 3$$

$$4x + 40 = 96$$

$$4x = 96 - 40$$

$$4x = 56$$

$$x = 56 : 4$$

$$x = 14.$$

Vậy $x = 14$.

c) Ta có: $8[5(3x + 4) - 2.3^2] : 31.2^2 = 64$

$$8[5(3x + 4) - 2.9] : 31.4 = 64$$

$$8[5(3x + 4) - 18] : 31 = 64 : 4$$

$$8[5(3x + 4) - 18] : 31 = 16$$

$$8[5(3x + 4) - 18] = 16.31$$

$$8[5(3x + 4) - 18] = 496$$

$$5(3x + 4) - 18 = 496 : 8$$

$$5(3x + 4) - 18 = 62$$

$$5(3x + 4) = 62 + 18$$

$$5(3x + 4) = 80$$

$$3x + 4 = 80 : 5$$

$$3x + 4 = 16$$

$$3x = 16 - 4$$

$$3x = 12$$

$$x = 12 : 3$$

$$x = 4.$$

Vậy $x = 4$.

Dạng 3: So sánh giá trị của hai biểu thức

Ví dụ mẫu

Ví dụ 1. Điền vào ô vuông các dấu thích hợp ($>$, $=$, $<$)

$$1^2 \square 1;$$

$$1^3 \square 1^2 - 0^2;$$

$$(0+1)^2 \square 0^2 + 1^2;$$

$$2^2 \square 1+3;$$

$$2^3 \square 3^2 - 1^2;$$

$$(1+2)^2 \square 1^2 + 2^2;$$

$$3^2 \square 1+3+5;$$

$$3^3 \square 6^2 - 3^2;$$

$$(2+3)^2 \square 2^3 + 3^2;$$

Hướng dẫn giải

$$1^2 \square 1;$$

$$\underbrace{1^3}_{1} \square \underbrace{1^2 - 0^2}_{1};$$

$$\underbrace{(0+1)^2}_{1} \square \underbrace{0^2 + 1^2}_{1};$$

$$\underbrace{2^2}_{4} \square \underbrace{1+3}_{4};$$

$$\underbrace{2^3}_{8} \square \underbrace{3^2 - 1^2}_{8};$$

$$\underbrace{(1+2)^2}_{9} \square \underbrace{1^2 + 2^2}_{5};$$

$$\underbrace{3^2}_{9} \square \underbrace{1+3+5}_{9};$$

$$\underbrace{3^3}_{27} \square \underbrace{6^2 - 3^2}_{27};$$

$$\underbrace{(2+3)^2}_{25} \square \underbrace{2^3 + 3^2}_{13};$$

Ví dụ 2. So sánh:

a) $4^3 - 2^3 \square 2 \cdot (4-2)^3;$

b) $2^2 \cdot 3 - (1^{10} + 8) : 3^2 \square 5^2 \cdot 3^2 - 25 \cdot 2^2;$

c) $1^2 + 6^2 + 8^2 \square 2^2 + 4^2 + 9^2;$

d) $4^{20} : (4^{15} \cdot 7 + 4^{15} \cdot 9) \square 3 \cdot 5^2 - 6^2 + 5 \cdot 10 : 2.$

Hướng dẫn giải

a) $\underbrace{4^3 - 2^3}_{56} \square \underbrace{2 \cdot (4-2)^3}_{16};$

b) $\underbrace{2^2 \cdot 3 - (1^{10} + 8) : 3^2}_{11} \square \underbrace{5^2 \cdot 3^2 - 25 \cdot 2^2}_{125};$

c) $\underbrace{1^2 + 6^2 + 8^2}_{101} \square \underbrace{2^2 + 4^2 + 9^2}_{101};$

d) $\underbrace{4^{20} : (4^{15} \cdot 7 + 4^{15} \cdot 9)}_{64} \square \underbrace{3 \cdot 5^2 - 6^2 + 5 \cdot 10 : 2}_{64}.$

Bài tập tự luyện dạng 3

Bài tập cơ bản

Câu 1. Điền dấu thích hợp ($>$, $=$, $<$) vào ô trống:

a) $2+6+8 \square 4^2;$

b) $1+7+8 \square 2+6+9;$

c) $3^2 + 4^2 \square 5^2;$

d) $(1+6)^2 \square 1^2 + 6^2.$

Câu 2. So sánh:

a) $1^3 + 2^3 \square 3^3$;

c) $1^2 + 3^2 + 5^2 \square 8^2 - 7^2 + 2^2 \cdot 5$;

e) $3^2 \cdot 4 - (1^{15} + 7) : 2^2 \square 10^2 - 8^2$;

b) $4 \cdot 3^2 - 3^4 \square 50 - 5^2$;

d) $10^2 + 11^2 + 12^2 \square 13^2 + 14^2$;

f) $5^6 : (5^2 \cdot 4^2 + 5^2 \cdot 3^2) \square 1^2 + 2^2 + 3^2$.

Câu 3. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

a) $4^6 : 4^4 - 4 \square 2^3 \cdot 17 - 2^3 \cdot 14$;

b) $1^3 + 2^3 + 3^3 + 4^3 \square 10^2$.

Câu 1.

a) $\underbrace{2+6+8}_{16} \square \underbrace{4^2}_{16}$;

c) $\underbrace{3^2+4^2}_{25} \square \underbrace{5^2}_{25}$;

b) $\underbrace{1+7+8}_{16} \square \underbrace{2+6+9}_{17}$;

d) $\underbrace{(1+6)^2}_{49} \square \underbrace{1^2+6^2}_{37}$.

Câu 2.

a) $\underbrace{1^3+2^3}_9 \square \underbrace{3^3}_{27}$;

c) $\underbrace{1^2+3^2+5^2}_{35} \square \underbrace{8^2-7^2+2^2 \cdot 5}_{35}$;

e) $\underbrace{3^2 \cdot 4 - (1^{15} + 7) : 2^2}_{34} \square \underbrace{10^2 - 8^2}_{36}$;

b) $\underbrace{4 \cdot 3^2 - 3^4}_{27} \square \underbrace{50 - 5^2}_{25}$;

d) $\underbrace{10^2 + 11^2 + 12^2}_{365} \square \underbrace{13^2 + 14^2}_{365}$;

f) $\underbrace{5^6 : (5^2 \cdot 4^2 + 5^2 \cdot 3^2)}_{25} \square \underbrace{1^2 + 2^2 + 3^2}_{36}$.

Câu 3.

a) $\underbrace{4^6 : 4^4 - 4}_{12} \square \underbrace{2^3 \cdot 17 - 2^3 \cdot 14}_{24}$;

b) $\underbrace{1^3 + 2^3 + 3^3 + 4^3}_{100} \square \underbrace{10^2}_{100}$.